TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quyết định giám đốc thẩm Số: 24/2018/DS-TT Ngày 25-9-2018 V/v Tranh chấp thừa kế	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tham gia xét xử gồm có:14 (mười bốn)thành viên.

-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hiền, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, theo sự ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thu Hải Yến- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Dương- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xửvụ án dân sự*"Tranh chấp thừa kế"* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc B sinh năm 1968;

Địa chỉ: 14 Splinter Crescent, Ottawa, Ontario, Canada K2B1B2.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Tăng Đ; trú tại: 24/1 đường D, phường A, quận X, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2012).

1.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1974; cư trú tại: 012 Lô D, cư xá TĐ, phường Đ, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 1970; cư trú tại: 372/15/13 (số cũ 372/17) đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1939; cư trú tại: 372/15/13 (số cũ 372/17) đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Ông Lâm Minh Q (Văn bản ủy quyền ngày 30/3/2011).

3.2. Ông Lâm Minh Q, sinh năm 1971; tạm trú tại: 372/15/13 (số cũ 372/17) đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Lê Thị Kim V, sinh năm 1943; cư trú tại: 012 Lô 8, cư xá TĐ, phường Đ, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2010 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc B (do ông Tăng Đ đại diện theo ủy quyền) và chị Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Vợ chồng cụ Nguyễn Văn S (chết năm 1947), cụ Trần Thị D (chết năm 2001) có hai con chung là bà Nguyễn Ngọc Th, ông Nguyễn Công B1. Ông B1 (chết năm 2002) có vợ là bà Lê Thị Kim V và hai con là chị Nguyễn Thị Ngọc B, chị Nguyễn Thị Ngọc P.

Quá trình chung sống, vợ chồng cụ S, cụ D tạo lập được căn nhà số 372/15/13 (số cũ 372/17) đường 372/15/13 (số cũ 372/17) đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh, hiện do bà Lâm Ngọc T (con bà Th) quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn đồng ý tính công sức giữ gìn cho cụ D là 1/3 giá trị nhà đất, đồng ý giao toàn bộ giá trị xây dựng căn nhà cho bà Th, chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ S là 1/3 giá trị quyền sử dụng đất tại địa chỉ trên.

Bị đơn là bà Lâm Ngọc T trình bày: Căn nhà 372/15/13 đường C, phường N là của cụ D và cụ D đã lập di chúc cho bà Th được hưởng thừa kế đối với căn nhà này. Bà Th đã làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất năm 2009. Bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Ngọc Th trình bày: Cụ S, cụ D chỉ có một người con ruột là bà Th; ông B1 là cháu gọi cụ D bằng dì ruột, để tạo điều kiện cho ông B1 đi học ở thành phố nên cụ D mới làm Giấy khai sinh cho ông B1. Căn nhà 372/15/13 đường C là tài sản riêng của cụ D tạo lập từ năm 1953 (sau khi cụ S chết). Ngày 02/4/1997 cụ D lập di chúc để lại căn nhà trên cho bà và bà đã được Ủy ban nhân dân quận H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế căn nhà theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Lâm Minh Q thống nhất lời trình bày của bà Th.

- Bà Lê Thị Kim V trình bày: Ông B1 là con của cụ S, cụ D. Căn nhà 372/15/13 đường C là tài sản chung của cụ S, cụ D. Bà đề nghị chia thừa kế đối với phần di sản của cụ S.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 894/2011/DS-ST ngày 21/6/2011, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B và bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Xác định căn nhà số 372/15/13 đường C, phường N, quận H là tài sản chung của cụ S, cụ D, trong đó phần của cụ S là 1/3 giá trị nhà, phần cụ D là 2/3 giá trị nhà.

Xác định bà Th, ông B1 là con của cụ S, cụ D.

Cụ D, ông B1, bà Th được hưởng thừa kế di sản của ông S, mỗi người được nhận một suất thừa kế trị giá 6.048.764.166 đồng.

Công nhận di chúc ngày 02/4/1997 của cụ D tại Phòng Công chứng số M, thành phố Hồ Chí Minh định đoạt tài sản cho bà Th.

Giao căn nhà số 372/15/13 (số cũ 372/17) đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh cho bà Th. Bà Th có trách nhiệm hoàn trả cho bà B, bà P là các con của ông B1 phần được hưởng thừa kế di sản của cụ S trị giá 6.048.764.166 đồng.

Ngày 22/6/2011, ông Lâm Minh Q (đại diện theo ủy quyền của bà Th) có đơn kháng cáo.

Ngày 27/6/2011, bà Nguyễn Thị Ngọc P và ông Tăng Đ (đại diện theo ủy quyền của bà B), bà Lê Thị Kim V có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2011/DS-PT ngày 31/10/2011, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định**:**

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 894/2011/DS-ST ngày 21/6/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2013/DSST ngày 15/4/2013, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B và bà Nguyễn Thị Ngọc P.

Xác định căn nhà số 372/15/13 đường C, phường N, quận H là tài sản chung của cụ S, cụ D.

Xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ S gồm ba người là cụ D, bà Th, ông B1 và phân chia giá trị di sản của cụ S trong căn nhà là 18.026.400.000 đồng như sau:

Cụ D được chia 6.008.880.000 đồng sẽ do bà Th nhận.

Bà Th được chia 6.008.880.000 đồng.

Ông B1 được chia 6.008.880.000 đồng sẽ do bà B, bà P đại diện thừa kế của ông B1 nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý giao căn nhà số 372/15/13 đường C cho bà Th sở hữu. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế của ông B1 cho bà Th thanh toán tiền trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 01/7/2013, bà Nguyễn Ngọc Th có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 233/2014/QĐDS ngày 17/9/2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh nhận định bà Th là người kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm nhưng được Tòa án triệu tập hợp lệ 3 lần vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, từ đó quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự "Tranh chấp thừa kế" giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc B và bà Nguyễn Thị Ngọc P với bị đơn là bà Lâm Ngọc T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc Th, bà Lê Thị Kim V và ông Lâm Minh Q.

Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2013/DS-ST ngày 15/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định này.

Ngày 25/9/2014, bà Nguyễn Ngọc Th có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên.

Tại công văn số 12597/CTHADS ngày 11/8/2015, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 233/2014/QĐDS ngày 17/9/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2013/DSST ngày 15/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Quyết định kháng nghị tái thẩm số 56/2017/KN-DS ngày 01/8/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 233/2014/QĐDS ngày 17/9/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử tái thẩm theo hướng hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2013/DSST ngày 15/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật với nhận định (tóm tắt):

"Tại Biên bản xác minh ngày 18/4/2017, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp một số tài liệu thể hiện: Ngày 30/8/2012, bà Th đã bán nhà đất nêu trên và bà Đinh Thị Hoài H (người mua) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở ngày 27/11/2012; Ngày 09/11/2012, bà H đã thế chấp toàn bộ nhà đất trên để đảm bảo cho khoản vay 30 tỷ đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ K tại Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Ngày 30/12/2014, bà Nguyễn Thị Phi Th1 là người trúng đấu giá tài sản (nhà đất nêu trên) với giá 30 tỷ đồng do Ngân hàng ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ. Đây là những tình tiết mới được phát sinh sau khi nguyên đơn có đơn khởi kiện, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án, nguyên đơn đã không biết được trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, cần kháng nghị theo thủ tục tái thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự nêu trên để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật. Khi giải quyết lại, Tòa án cần đưa những người nêu trên vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi của họ".

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Bản sao Giấy khai sinh của ông Nguyễn Công B1 và Bản khai nhân khẩu ngày 06/9/1976 của cụ Trần Thị D đều thể hiện ông B1 là con của vợ chồng cụ S, cụ D. Tại Bản kê khai nhà cửa ngày 17/12/1977, cụ D khai nhà đất lại số 372/17 đường C của ông bà để lại, không có giấy tờ, nhưng cụ D làm chủ ngôi nhà từ năm 1920. Tại Tờ khai và Biên bản họp Tổ dân phố 4 phường 10, quận 3

cùng ngày 21/11/1989, cụ D khai đã xây cất ngôi nhà trên từ năm 1933. Tại tờ tường trình ngày 12/01/1990, cụ D xác định ngôi nhà này là do vợ chồng cụ S, cụ D tự xây cất. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đồng ý tính công sức cho cụ D là 1/3 giá trị nhà đất, cụ D được hưởng 2/3 giá trị nhà đất, 1/3 giá trị nhà đất là di sản thừa kế của cụ S. Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông B1 là con của cụ S, cụ D; căn nhà số 372/17 nay là số 372/15/13 đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của cụ S, cụ D, đồng thời chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn chia thừa kế phần di sản của cụ S được xác định bằng 1/3 giá trị quyền sử dụng đất tại 372/15/13 đường C cho các thừa kế của cụ S là đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, bà Nguyễn Ngọc Th có đơn kháng cáo. Tòa án cấp phúc thẩm đã 3 lần triệu tập hợp lệ, nhưng bà Th đều có đơn xin hoãn phiên tòa và vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ Điều 260, Điều 265, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi bổ sung năm 2011) quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự là có căn cứ.

[2] Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 18/4/2017 và Công văn số 7809/CTHADS ngày 26/6/2018, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh đã cung cấp một số tài liệu thể hiện ngày 30/8/2012, bà Th đã chuyển nhượng nhà đất tại 372/15/13 đường C, phường N, quận H, thành phố Hồ Chí Minh cho bà Đinh Thị Hoài H theo Hợp đồng lập tại Phòng Công chứng số M thành phố Hồ Chí Minh và bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ngày 27/11/2012. Ngày 09/12/2012, bà H đã thế chấp toàn bộ nhà đất trên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ-chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 19/9/2014, Ngân hàng Thương mại cổ phần QĐ-chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản (nhà đất nêu trên). Người mua được tài sản bán đấu giá là bà Nguyễn Thị Phi Th1. Việc xử lý tài sản do đương sự và Ngân hàng tự thực hiện không liên quan đến việc thi hành án. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, bà Th1 nộp hồ sơ xin tách thửa (21 thửa) đối với nhà đất trên. Hiện tại, bà Th1 đã chuyển nhượng toàn bộ 21 thửa đất được tách nêu trên. Một trong số 21 thửa đất đã tách vẫn giữ số 372/15/13 đường C, do ông Nguyễn Quang V1, bà Phạm Khánh V2 đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cấp ngày 03/7/2017. Hiện nay, bà Th không có tài sản tại địa phương.

[3] Những tình tiết mới được phát hiện nêu trên, có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án mà Tòa án và nguyên đơn đã không biết được trong quá trình giải quyết vụ án. Việc bà Th ký kết hợp đồng chuyển nhượng nhà đất với bà H, được Phòng Công chứng số M thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, trong khi Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế là trái điểm b khoản 1 Điều 91 Luật Nhà ở 2005; điểm b, khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai 2003. Mặt khác, cần xác minh làm rõ việc mua nhà đất nêu trên của bà Th1 thông qua bán đấu giá và những người nhận chuyển nhượng nhà đất từ bà Th1 sau này có hợp pháp hay không để xem xét đảm bảo quyền lợi của họ. Vì vậy, cần chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, hủy

Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự nêu trên và hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2013/DSST ngày 15/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để xét xử sơ thẩm lại đúng quy định của pháp luật. Khi giải quyết lại, Tòa án phải đưa bà H, bà Th1, Phòng Công chứng số M thành phố Hồ Chí Minh và những người nhận chuyển nhượng nhà đất sau này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời, xem xét làm rõ trách nhiệm của bà Th, bà H, Phòng Công chứng số M thành phố Hồ Chí Minh khi ký kết, chứng nhận Hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ngày 30/8/2012, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 352, khoản 2 Điều 356 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị tái thẩm số 56/2017/KN-DS ngày 01/8/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 233/2014/QĐDS-PT ngày 17/9/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh và Bản án dân sự sơ thẩm số 409/2013/DSST ngày 15/4/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đối với vụ án "Tranh chấp thừa kế" giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Ngọc B, bà Nguyễn Thị Ngọc P với bị đơn là bà Lâm Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc Th, bà Lê Thị Kim V và ông Lâm Minh Q.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phốHồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh (kèm hồ sơ);
- Cục THA dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GĐKT II (02 b), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN

Nguyễn Thúy Hiền